

Số: 211/2020/QĐST-HNGĐ

N, ngày 18 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 436/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **Lê Thị Tâm N**, sinh năm 1968. Địa chỉ: 256/56/25/7 N, phường A, quận N, thành phố C.

Ông **Trương Văn S**, sinh năm 1963. Địa chỉ: 256/56/25/7 N, phường A, quận N, thành phố C.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Ông Trương Văn S và bà Lê Thị Tâm N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông S và bà N có 02 con chung tên Trương Hoàng P (nam), sinh ngày 13-9-1993 và Trương Hoàng T (nam) sinh ngày 18-02-2000, con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông S và bà N tự thỏa thuận.

[4] Về nợ chung: Ông S và bà N xác định không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông S, bà N mỗi người phải nộp 150.000 đồng.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không

có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn S và bà Lê Thị Tâm N thuận tình ly hôn.
  - Về con chung: Ông S và bà N có 02 con chung tên Trương Hoàng P (nam), sinh ngày 13-9-1993 và Trương Hoàng T (nam) sinh ngày 18-02-2000, con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
  - Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.
  - Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.
2. Về lệ phí Tòa án: Ông S, bà N mỗi người phải nộp 150.000đồng. Bà N tự nguyện nộp lệ phí hôn nhân thay ông S, bà N phải nộp 300.000đồng. Bà N được căn trừ vào 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 002904 ngày 05-8-2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ, bà N không phải nộp thêm.
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- UBND P. A;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Thị Tuyết Phương**